

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày 05-4-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thiên Hoàng

Bà Nguyễn Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thắm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS ngày 23/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Mai Thị K**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Khoảng tháng 6/2023, bà Mai Thị K vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 20/9/2023, bà K vay tiếp của bà 10.000.000 đồng và bà K viết giấy nợ ghi thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/10/2023, thỏa thuận trả lãi 180.000 đồng/ngày đối với số tiền vay 30.000.000 đồng, còn số tiền 10.000.000 đồng vay sau thì góp 50.000 đồng/ngày, không tính lãi.

Sau khi vay số tiền 30.000.000 đồng thì bà K có trả lãi cho bà từ tháng 6 đến tháng 8/2023 là 15.400.000 đồng. Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng thì bà K đã trả tiền gốc cho bà là 1.060.000 đồng. Tổng số tiền bà K đã trả cho bà là 16.460.000 đồng. Bà chấp nhận không tính lãi đối với bà K nên bà trừ số tiền đã nhận của bà K 16.460.000 đồng là tiền gốc. Nay bà yêu cầu bà K trả cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng – 16.460.000 đồng = 23.540.000 đồng, không yêu cầu bà K trả lãi.

2. Bị đơn bà Mai Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định bị đơn bà Mai Thị K còn nợ bà Trần Thị M số tiền 23.540.000 đồng nhưng không trả theo thỏa thuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn M, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa trả số tiền vay 23.540.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Theo giấy mượn tiền đề ngày 20/9/2023, bà Mai Thị K vay của bà Trần Thị M 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng (lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai vay 10.000.000 đồng), thời hạn vay đến ngày 20/10/2023. Bà K đã trả cho bà M nhiều lần với số tiền 16.460.000 đồng, hiện còn nợ 23.540.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K nhưng bà K vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà K không có thiện chí trả nợ cho bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở và phù hợp nên chấp nhận, buộc bà Mai Thị K phải trả cho bà Trần Thị M số tiền 23.540.000 đồng. Bà M không yêu cầu bà K trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí:

Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.540.000 đồng x 5% = 1.177.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Thị M số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001579 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQU14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị M.

Buộc bị đơn bà Mai Thị K phải trả cho bà Trần Thị M số tiền **23.540.000 đồng** (*Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí:

Bà Mai Thị K phải chịu 1.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị M số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001579 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương